

Bản án: 254/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09-10-2019

V/v “Ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

2. Bà Trần Thị Kim Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 789/2019/TLST-HNGĐ, ngày 29/7/2019 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 272/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22/8/2019 và Quyết Định hoãn phiên tòa số 165/2019/QĐ.DS ngày 16/9/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị TR, sinh năm 1985, (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1982, (vắng mặt)

Địa chỉ: Cùng ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh LA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/7/2019 và tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị TR trình bày tóm tắt như sau:

Bà và ông Nguyễn Tấn T có tìm hiểu nhau sau đó tiến tới hôn nhân, được hai bên tổ chức lễ cưới hồi năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Khánh Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An ngày 01/8/2016. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc cho đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, tình nghĩa vợ chồng rạn nứt, khó hàn gắn, từ đó bà và ông Tài ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Tấn T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng C, sinh ngày 04/11/2016 và Nguyễn Ngọc Đặng T, sinh ngày 10/3/2018. Hiện nay 02 con chung bà đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà yêu cầu tiếp tục nuôi con chung và yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng theo pháp luật quy định.

Về tài sản chung: Bà TR xác định, tài sản chung bà và ông T không có tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông Nguyễn Tấn T được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và

hòa giải nhưng ông T không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà TR. Ông T cũng không đến Tòa để tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải. Đối với bà TR, có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải vụ án. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Tấn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Căn cứ tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị TR và ông Nguyễn Tấn T cưới nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/8/2016 (số 70/2016) nên quan hệ hôn nhân của bà TR và ông T được pháp luật thừa nhận là hợp pháp từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Bà TR cho rằng cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc là do ông T không quan tâm chăm sóc gia đình, dẫn đến bất đồng quan điểm nên ly thân. Ông T được tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án thể hiện việc bà TR yêu cầu xin ly hôn với ông tại Tòa án nhưng ông T không có ý kiến, không thể hiện ý chí đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên Tòa bà TR xác định không còn tình cảm với ông T và cương quyết ly hôn. Điều đó, chứng tỏ quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận theo đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị TR đối với ông Nguyễn Tấn T.

[3] Về quyền nuôi con chung: Khi ly hôn bà TR yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thị Hồng C, sinh ngày 04/11/2016 và Nguyễn Đặng Ngọc T, sinh ngày 10/3/2018 bà TR yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mức cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật quy định.

Về việc nuôi con ông T không có ý kiến phản hồi về quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, xét thấy bà TR hiện đang nuôi cháu Hồng C và cháu Đặng T khỏe mạnh và phát triển bình thường cháu. Mặt khác, cháu C và cháu T dưới 36 tháng tuổi nên căn cứ vào Điều 81 luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử giao cháu C và cháu T cho bà Nguyễn Thị TR tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà TR. Bà TR là người trực tiếp nuôi con chung giữa bà và ông T nên ông T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung của bà TR và ông T là phù hợp theo Điều 110 và Điều 116 Luật hôn nhân gia đình. Về mức cấp dưỡng ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 con chung mỗi tháng 745.000 đồng/một con chung. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2019 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị TR xác định bà và ông T không có tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung giữa các bên. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung của bà TR và ông T.

Trường hợp sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung cũng như quyền nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị TR phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28 Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 86 Điều 110 và Điều 116 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị TR đối với ông Nguyễn Tấn T.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị TR được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T.

Về quyền nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị TR được quyền trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Thị Hồng C, sinh ngày 04/11/2016 và cháu Nguyễn Ngọc Đăng T, sinh ngày 10/3/2018. Ông Nguyễn Tấn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Mức cấp dưỡng một tháng 745.000 đồng/một con chung. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10 năm 2019 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị TR phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, sung ngân sách Nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003226 ngày 29/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành. Ông Nguyễn Tấn T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, sung ngân sách Nhà nước.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết công khai bản án.

“Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An
- VKSND huyện Đức Hòa
- Chi cục Thi hành án.
- UBND xã Hòa Khánh Đông
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tài